

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TTV23B1**

Năm học: **23-24**

Mã MH/MĐ: **MH04226**

Học kỳ: **01**

Tên MH/MĐ: **Tiếng anh**

Số TC: **4**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1					Hệ số 2					Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2354802034806	Dương Kiều	Anh	03/09/2008				8	8.0	6.0	6.0	6.5			5.0		5.7
2	2354802034807	Lê Phạm Quốc	Anh	22/12/2008				5	6.0	5.0	6.0	6.0			0.0	5.0	5.3
3	2354802034808	Phan Thị Kim	Anh	28/09/2008				9	5.0	5.0	5.0	6.0			3.6	5.8	5.7
4	2354802034809	Đặng Hoàng	Chánh	25/01/2008				7	5.0	4.0	5.0	5.0			2.6	6.6	6.0
5	2354802034810	Huang Jiang	Cheng	07/05/2008				9	9.5	5.0	5.0	4.0			3.8	0.0	4.8
6	2354802034811	Nguyễn Bùi Kim	Duyên	14/02/2008				9	9.0	7.0	7.0	6.0			5.2		6.1
7	2354802034812	Ngô Quốc	Đại	24/03/2008				8	7.0	5.0	6.0	6.0			5.0		5.5
8	2354802034813	Bùi Hải	Đăng	10/05/2008				6	5.0	5.0	5.0	5.0			5.0		5.0
9	2354802034814	Đỗ Hữu	Hậu	21/01/2004				9	8.0	8.5	7.0	7.5			7.6		7.7
10	2354802034815	Nguyễn Quốc	Hòa	11/06/2008				5	5.0	2.0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.8
11	2354802034816	Dương Văn	Hoàng	08/12/2008				9	8.0	7.0	7.0	7.0			5.2		6.1
12	2354802034818	Mai Quốc	Huy	22/09/2008				9	7.0	7.0	6.0	7.0			5.2		5.9
13	2354802034819	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	27/04/2008				5	7.0	6.0	5.0	5.0			5.0		5.3
14	2354802034820	Nguyễn Minh	Kha	23/05/2008				7	7.0	6.0	6.0	6.0			5.2		5.7
15	2354802034821	Trần Dương	Khang	15/02/2008				7	8.0	6.0	7.0	7.0			8.4		7.8
16	2354802034822	Trần Huỳnh Duy	Khang	05/02/2006				9	9.0	9.0	8.0	8.0			8.0		8.2
17	2354802034823	Lê Hữu Toàn	Khoa	24/09/2008				6	6.5	5.0	4.0	5.0			3.0	5.0	5.1
18	2354802034824	Phạm Anh	Khoa	03/07/2007				8	7.0	6.0	6.0	6.0			5.0		5.6
19	2354802034825	Nguyễn Nhã	Kỳ	13/03/2008				8	7.0	7.0	7.0	7.0			5.0		5.8
20	2354802034826	Nguyễn Thu	Kỳ	30/10/2008				9	8.0	5.0	6.0	6.0			5.0		5.6
21	2354802034827	Bùi Thị Huỳnh	Lê	28/05/2008				6	6.5	5.0	5.0	5.0			5.0		5.2
22	2354802034828	Lê Thị Thanh	Ngân	28/08/2004				10	10.0	10.0	9.0	9.5			8.6		9.0
23	2354802034829	Trịnh Anh	Ngọc	23/01/2008				9.5	9.0	7.0	7.0	6.5			5.0		6.0
24	2354802034830	Bùi Huỳnh Phúc	Nguyên	02/06/2008				9	9.5	7.0	7.0	8.0			7.6		7.8
25	2354802034831	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	07/07/2007				8	8.0	8.0	7.0	7.0			5.2		6.1
26	2354802034832	Trần Anh	Pháp	22/07/2007				7	7.0	6.0	5.0	5.0			5.4		5.6
27	2354802034833	Huỳnh Thanh	Phong	08/07/2008				6	5.0	5.0	5.0	6.0			5.0		5.1
28	2354802034834	Dương Thiện	Phúc	14/08/2008				5	8.0	6.0	6.0	5.0			6.4		6.3
29	2354802034835	Khuru Từ Thiên	Phụng	25/04/2003				8	8.5	5.0	6.0	5.0			5.6		5.9
30	2354802034836	Phạm Thị Quỳnh	Phương	11/11/2008				9	9.0	8.0	7.0	8.5			6.4		7.1
31	2354802034837	Đồng Văn	Quý	17/01/2008				6	5.0	3.5	0.0	0.0			0.0	0.0	1.0
32	2354802034838	Nguyễn Mai Phương	Quyên	19/02/2008				9	9.0	6.0	7.0	6.0			5.6		6.2
33	2354802034839	Huỳnh Nhật	Tân	18/01/2008				8	9.0	6.0	6.0	7.0			5.4		6.1

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1	Hệ số 2	Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
-----	------	--------	-----------	---------	---------	--------	--------	------------

Châu Đốc, ngày 12 tháng 3 năm 2024

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Nguyễn Thị Mỹ Thanh